

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 30/2018/HS-ST

Ngày: 27 - 7 - 2018.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B- TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Trường

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Nguyễn Quang Huy

+ Bà Vũ Thị Thanh Lý

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quang Vũ- Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông K' Kràng- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 19/2018/TLST- HS ngày 07 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2018/QĐXXST- HS ngày 13 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn K**; Tên gọi khác: không; Sinh năm: 1980; Nơi sinh: Đồng Nai; Nơi ĐKNKTT và nơi ở hiện nay: Ấp 3, xã Đ, huyện H, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: làm vườn; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn C, sinh năm: 1938; Con bà: Nguyễn Thị C1, sinh năm 1944; Vợ: Nguyễn Thị Mai K1, sinh năm: 1979; Có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2008. Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/02/2018 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện B. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan liên quan đến vụ án:**

1. Ông **Trịnh Văn LQ1**, sinh năm: 1983

Địa chỉ: Thôn 3, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt.*

2. Ông **Phạm LQ2**, sinh năm: 1996

Địa chỉ: Ấp X, xã Y, huyện T, tỉnh Đồng Nai. *Vắng mặt.*

3. Ông **Trần Văn LQ3**, sinh năm: 1990

Địa chỉ: Thôn 3, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt.*

4. Ông **Nguyễn Công LQ4**, sinh năm: 1987

Địa chỉ: Ấp X, xã Y, huyện T, tỉnh Đồng Nai. *Vắng mặt.*

5. Ông **Nguyễn Công LQ5**, sinh năm: 1994

Địa chỉ: Ấp X, xã Y, huyện T, tỉnh Đồng Nai. *Vắng mặt.*

6. Ông **Nguyễn Thanh LQ6**, sinh năm: 1980

Địa chỉ: Ấp Lam Sơn, xã Y1, huyện H, tỉnh Bình Phước. *Vắng mặt.*

7. Ông **LQ7**, sinh năm: 1988

Địa chỉ: Thôn 3, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt.*

8. Bà **Ngô Thị LQ8**, sinh năm: 1962

Địa chỉ: Thôn 3, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt.*

9. Bà **Trịnh Thị LQ9**, sinh năm: 1987

Địa chỉ: Thôn 3, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt.*

10. Bà **Trịnh Thị LQ10**, sinh năm: 1985

Địa chỉ: Thôn 3, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt.*

11. Ông **LQ11**- Chủ tịch UBND xã L

Địa chỉ: Thôn 3, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt.*

12. Ông **Nguyễn Văn LQ12**- Ban lâm nghiệp xã L

Địa chỉ: Thôn 3, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt.*

13. Ông **Mai Hữu LQ13**- Giám đốc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp L1

Địa chỉ: Thôn 1, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt.*

14. Ông **Nguyễn Văn LQ14**- Cụm tiểu khu I Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp L1.

Địa chỉ: Thôn 1, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. *Có mặt.*

15. Ông **Nguyễn Văn LQ15**- Cụm tiểu khu I Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp L1.

Địa chỉ: Thôn 1, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. *Có mặt.*

16. Ông **Nguyễn Văn LQ16**- Cụm tiểu khu II Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp L1.

Địa chỉ: Thôn 1, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt.*

17. Ông **Đỗ Văn LQ17**- Cụm tiểu khu II Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp L1

Địa chỉ: Thôn 1, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. *Có mặt.*

18. Ông **Võ Văn LQ18**- Tiểu khu 390 Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp L1

Địa chỉ: Thôn 1, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt.*

19. Ông **LQ19**- Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp L1

Địa chỉ: Thôn 1, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. *Có mặt.*

20. Ông **Đinh LQ20**- Cụm tiểu khu I Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp L1

Địa chỉ: Thôn 1, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. *Có mặt.*

21. **Công ty TNHH đầu tư xây dựng thương mại LQ21**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Hà Tiến H1** Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Thôn 3, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. *Có mặt.*

22. Công ty TNHH sản xuất thương mại và xây dựng LQ22

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Hà Lâm H2** Chức vụ: Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn H3** Chức vụ: QLDA Công ty

Địa chỉ: Thôn 3, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. *Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 05/2016 đến tháng 09/2016 để có tiền tiêu xài Trịnh Văn LQ1 cùng Phạm LQ2, Trần Văn LQ3, Nguyễn Công LQ4, Nguyễn Công LQ5, Nguyễn Văn K, Nguyễn Thanh LQ6, LQ7, N1, N2 đã rủ nhau và chia làm hai nhóm đi khai thác gỗ rừng trái phép bán lấy tiền tiêu xài, cụ thể như sau:

- Nhóm thứ nhất do Trịnh Văn LQ1 và Phạm LQ2 thực hiện: Khoảng tháng 5/2016, Trịnh Văn LQ1 đã thuê Phạm LQ2 (Đen) cùng với LQ1 đi khai thác tận dụng gỗ củi tiểu khu 390A, Thôn 3, xã L. Tiền công LQ1 trả cho Đen là 300.000 đồng/01 ngày và bao ăn ở. Trong quá trình đi khai thác gỗ củi, thì LQ1 đã cắt hạ 02 cây gỗ Giỏi. Sau đó LQ1 rủ LQ2 cùng tham gia với LQ1 để khai thác gỗ trái phép. Khi đi LQ1 và LQ2 mang theo máy cưa xăng hiệu STIHL381, cùng xăng, nhớt và 01 con dao của LQ1. Khi đến vị trí cắt cây thì LQ2 phụ xách xăng, nhớt, dùng dao phát dọn các cây bụi xung quanh cây gỗ để LQ1 sử dụng máy cưa xăng cưa cắt hạ cây gỗ đổ xuống đất. LQ2 tham gia cùng với LQ1 đi khai thác gỗ trái phép cùng nhau trong 05 lần: Lần thứ nhất cưa hạ 01 cây gỗ Giỏi; Lần thứ hai cưa hạ 02 cây gỗ Giỏi; Lần thứ ba cưa hạ 02 cây gỗ Giỏi; Lần thứ tư cưa hạ 07 cây gỗ Giỏi; Lần thứ năm cưa hạ 03 cây gỗ Giỏi và 01 cây gỗ Sá xị. Sau khi cưa hạ thì LQ1 và LQ2 không cưa xẻ lấy gỗ ngay mà đợi đến khi cây gỗ có dấu hiệu khô, mục vỏ thì vào khai thác tận thu.

Ngoài ra LQ1 còn vào tiểu khu 390A để cưa xẻ 01 cây gỗ Giỏi mà LQ1 đã cắt hạ trước đó được 04 hộp gỗ vận chuyển về nhà để sử dụng và sau đó còn chỉ cho nhóm LQ3, K, LQ6 và LQ2 vào xẻ.

Kết quả khám nghiệm hiện trường ngày 22/9/2016 và xác định hiện trường ngày 28/09/2016, xác định: Hiện trường do Trịnh Văn LQ1 và Phạm LQ2 khai thác trái phép thuộc tiểu khu 390A, do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp L1 quản lý và bảo vệ; Loại rừng bị khai thác là rừng sản xuất; Lâm sản thiệt hại là 20 cây gỗ bị cắt hạ (gồm 17 cây bị cắt hạ còn nguyên và 03 cây gỗ Giỏi bị lấy đi một phần) có tổng khối lượng $119,365\text{m}^3$ (gồm 18 cây gỗ Giỏi có khối lượng $111,55\text{m}^3$; 01 cây gỗ SP có khối lượng $4,988\text{m}^3$ và 01 cây gỗ Xá xị có khối lượng $2,827\text{m}^3$); Lâm sản còn lại hiện trường là $112,192\text{m}^3$, lâm sản bị lấy đi khối hiện trường là $7,173\text{m}^3$. Trong đó Trịnh Văn LQ1 xác định trực tiếp sử dụng cưa máy cắt hạ 18 cây gỗ có khối lượng $104,343\text{m}^3$, gồm 17 cây gỗ Giỏi có khối lượng $101,516\text{m}^3$ (từ cây số 01 đến cây số 11; 13; 14; 15; 17; 18; 20) và 01 cây gỗ Xá xị. Phạm LQ2 xác định tham gia cùng với Trịnh Văn LQ1 cắt hạ 16 cây gỗ có khối lượng $97,250\text{m}^3$, gồm 15 cây gỗ giỏi có khối lượng $94,423\text{m}^3$ (từ cây số 3 đến cây số 11; 13; 14; 15; 17; 18; 20) và 01 cây gỗ Xá xị. Còn lại 02 cây gỗ bị cắt hạ Trịnh Văn LQ1 và Phạm LQ2 không thừa nhận có khối lượng là $15,022\text{m}^3$ (gồm cây số 12 gỗ SP có khối lượng $4,988$ và cây số 16 gỗ Giỏi có khối lượng $10,034\text{m}^3$).

Nhóm thứ hai do LQ3, LQ4, K, LQ2, LQ6, LQ7, H4, N1 và N2: Vào khoảng tháng 7/2016, LQ3, K và LQ4 rủ nhau cùng khai thác gỗ bán lấy tiền. Trong quá trình khai thác thì

LQ3 rủ thêm Phạm LQ2 (Đen), Nguyễn Công LQ5 và các đối tượng Lê Minh H4, SN: 1980, HKTT: Thôn 5, xã X2, huyện Z, tỉnh Bình Phước; Nguyễn Thanh LQ6, SN: 1988, HKTT: ấp Lam Sơn, xã Y1, huyện H, tỉnh Bình Phước; LQ7, SN:1988, HKTT: Thôn 3, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng và N1, N2 (không rõ nhân thân lai lịch) cùng vào khu vực rừng thuộc tiểu khu 388A, 388B; 389A, 394; 390A, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng cùng nhau khai thác gỗ trái phép cụ thể:

Lần thứ nhất: Khai thác 01 cây gỗ Giỏi tại khu vực rừng đi vào phía Công ty LQ22, khi tham gia gồm: K, LQ3, N1, mang theo 01 chiếc máy cưa hiệu STIHL của K cùng xăng, nhớt. Đến vị trí có 01 cây gỗ Giỏi, K trực tiếp sử dụng cưa máy cưa hạ cây gỗ Giỏi. Còn LQ3, N1 phụ lẩn cây, búng mược để K xẻ cây gỗ ra được 03 hộp, mỗi hộp có kích thước khoảng 30cm x 40cm x 2m. Sau khi xẻ xong thì cùng bốc vác lên xe máy chở về nhà LQ4.

Lần thứ hai: Khai thác 01 cây gỗ Giỏi tại khu vực rừng thuộc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp L1. Khi tham gia gồm: K, LQ3, H4 mang theo 01 chiếc máy cưa hiệu STIHL của LQ4 cùng xăng, nhớt. Đến vị trí có 01 cây gỗ Giỏi thì K đứng ngoài canh đường, H4 trực tiếp dùng cưa máy cưa hạ cây gỗ Giỏi đổ xuống đất, LQ3 phụ H4 lẩn cây, búng mược để H4 xẻ ra thành 04 hộp, mỗi hộp có kích thước khoảng 30cm x 30 cm x 2m. Sau đó K và LQ3 sử dụng 02 xe máy chở 04 hộp gỗ về để tại nhà LQ4 cất giấu cùng với 03 hộp gỗ của lần thứ nhất. Đến hôm sau LQ4 gọi một người tên LQ23 (không rõ nhân thân, lý lịch) vào để bán được số tiền là 11.000.000đ, rồi chia nhau tiền tiêu xài. LQ3 và K mỗi người được 3.000.000đ; H4 và N1 mỗi người được 1.500.000đ, còn 2.000.000đ trừ vào chi phí xăng, nhớt và ăn uống. Do LQ4 không tham gia nên không được chia tiền.

Lần thứ ba: Vào khoảng tháng 8/2016, LQ3 và LQ4 rủ Phạm LQ2 cùng đi khai thác gỗ Giỏi tại khu vực rừng đi vào phía Công ty LQ22 (khu vực rừng giao cho các hộ dân PRA). Lúc đi có LQ4, LQ3, LQ5 và LQ2 mang theo 01 máy cưa xăng cầm tay hiệu STIHL của LQ4 cùng xăng, nhớt, một con dao phát và 01 chiếc xe đạp thồ (xe đạp thồ LQ4 mượn của một người không rõ lai lịch) để phục vụ cho việc khai thác gỗ. Khi đến nơi LQ5 và LQ2 phát dọn đường vận chuyển và canh giới. LQ4 sử dụng máy cưa xăng cưa hạ 02 cây gỗ Giỏi, LQ3 phụ LQ4 bặt mược, lẩn cây và cùng LQ4 cất lóng, xẻ hộp, xẻ được 07 hộp, mỗi hộp có kích thước khoảng 30cm x 30cm x 2m. Khi xẻ hộp xong LQ4 gọi LQ2, LQ5 vào, rồi cả nhóm cùng nhau chất gỗ lên xe đạp thồ để vận chuyển đến điểm tập kết gần đường nhựa. Sau khi tập kết gỗ, LQ4 gọi điện thoại bán số gỗ cho một người tên LQ1 (không rõ nhân thân, lý lịch) sử dụng xe ô tô vào chở. Đến ngày hôm sau LQ4 trả tiền công cho LQ2 và LQ5 mỗi người 1.500.000đ, còn LQ3 và LQ4 mỗi người khoảng 2.500.000đ.

Lần thứ tư: Khai thác 04 cây gỗ Kiền Kiền tại khu vực rừng thuộc Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp L1 (gần Công ty TNHH LD). Khi tham gia có: LQ4, LQ3, K, LQ2, LQ5 (gồm 5 người). Khi đến nơi thì LQ4 chỉ vị trí 04 cây gỗ Kiền Kiền đã bị ai cưa hạ và cắt thành từng lóng trước. LQ2 và LQ5 dùng dao phát dọn đường. LQ3 và K lẩn các lóng gỗ Kiền Kiền cho LQ4 sử dụng cưa máy xẻ hộp, xẻ được 10 hộp gỗ kích thước khoảng 25cm x 25cm x 2,5m. Sau đó LQ2 và LQ5 kéo trượt gỗ từ trên đồi xuống chân đồi để K và LQ3 sử dụng 02 xe máy chở ra khu vực gần đường nhựa tập kết. LQ4 gọi điện cho LQ1 đến bán và sử dụng xe ô tô chở đi. Sau khi bán xong LQ4 chia cho LQ3, K, LQ4 mỗi người 1.500.000đ, còn LQ2 và LQ5 mỗi người được 1.000.000đ.

Lần thứ năm: Khai thác 01 cây gỗ Giỏi tại khu vực rừng đi vào phía Công ty LQ22 (khu vực rừng giao cho các hộ dân PRA). Khi tham gia có: LQ3, LQ4, K, LQ2, LQ5 (gồm 5

người) khai thác được 07 hộp gỗ kích thước khoảng 35cm x 35cm x 2m, bán cho LQ1. Sau khi bán LQ4, K, LQ3 mỗi người được 2.000.000đ, LQ2 và LQ5 mỗi người được 1.000.000đ.

Lần thứ sáu: Khai thác 01 cây gỗ Giỏi tại khu vực rừng thuộc Công ty LQ21. Khi tham gia có: LQ3, LQ4, LQ5, K và LQ2 được 07 hộp gỗ, có kích thước khoảng 40cm x 25cm x 2m, bán cho LQ1, sau đó LQ4 chia tiền cho LQ2, LQ5 mỗi người được 1.000.000đ, còn LQ4, LQ3, K mỗi người được 2.000.000đ.

Lần thứ bảy: Khai thác 02 cây gỗ Giỏi tại khu vực rừng thuộc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp L1. Khi tham gia có LQ3, LQ4, LQ5, LQ2 (gồm 4 người, không có K) rồi xẻ thành 03 lóng và xẻ hộp. LQ3 và LQ5 phụ lẩn cây, búng mực. Khi xẻ được 01 hộp gỗ LQ3 sử dụng xe máy vận chuyển đi. LQ5 đi theo phụ, khi đi được một đoạn thì thấy ánh đèn, nghi là bảo vệ rừng nên LQ3 đã lẩn hộp gỗ xuống ở trong rừng và điện thoại báo cho LQ4 biết rồi cả nhóm bỏ về.

Lần thứ tám: Khai thác 01 cây gỗ Giỏi tại khu vực rừng đi vào phía Công ty LQ22 (rừng giao cho các hộ dân PRA). Khi tham gia có: LQ3, LQ6, LQ5, K, LQ2, LQ4 (gồm 6 người) được 07 hộp xong bán cho LQ1 sau đó LQ4 chia tiền cho LQ2, LQ5 mỗi người được 1.000.000đ, LQ4, LQ3, K mỗi người được 1.500.000đ.

Lần thứ chín: Khai thác 01 cây gỗ Giỏi tại khu vực đường điện, rừng thuộc Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp L1. Khi tham gia đi có K, LQ5, LQ3, LQ2, LQ6, khai thác được 06 hộp bán cho LQ1. LQ3, LQ4, LQ6, K mỗi người chia nhau được 1.500.000đ, LQ5 và LQ2 được khoảng 500.000đ, nhưng LQ2 chưa được nhận vì có việc về Đồng Nai.

Lần thứ mười: Khai thác 01 cây gỗ Giỏi tại khu vực rừng thuộc Công ty LQ22. Khi tham gia gồm: LQ7, SN:1988, HKTT: Thôn 3, xã L, N2 (không rõ nhân thân lai lịch), LQ2, LQ3, LQ6 được 04 hộp gỗ. Tiếp tục bán cho LQ1 chia nhau mỗi người 1.500.000đ, LQ2 được chia 1.000.000đ.

Lần thứ mười một: Khai thác 02 cây gỗ Giỏi tại khu vực rừng thuộc Công ty LQ22. LQ3 và LQ6 đi bằng 01 xe máy độ chế của LQ3, mang theo 01 máy cưa xăng của LQ3 cùng xăng nhớt. Khi đến vị trí có 02 cây gỗ Giỏi thì LQ3 trực tiếp sử dụng máy cưa cưa hạ đổ lần lượt 02 cây gỗ xuống đất. Sau đó LQ3, LQ6 thay phiên nhau xẻ 02 thân cây gỗ ra thành từng lóng, khi đang xẻ thì phát hiện thấy có bóng người nên cả hai bỏ chạy và không lấy được lâm sản.

Lần thứ mười hai: Khai thác 01 cây gỗ Giỏi tại khu vực rừng thuộc Công ty TNHH Lâm nghiệp L1 (khai thác cây gỗ mà LQ1 đã cưa hạ đổ trước đó): khi tham gia có LQ4, K, LQ5, LQ3, LQ2 được 03 hộp gỗ thì cả nhóm cùng nhau phụ bốc vác gỗ lên 02 xe máy để LQ3, K chở đi bán cho một người tên LQ17 (không rõ nhân thân lai lịch). Sau đó LQ4 chia mỗi người 300.000đ. Sau đó tiếp tục lần sau vào khai thác được 03 hộp gỗ, mỗi hộp dài khoảng 2m. LQ3, K và LQ6 dùng xe máy chở đi. Khi đi được một đoạn thì thấy có cán bộ bảo vệ rừng nên LQ3, LQ6, K bỏ chạy và để lại lâm sản.

Lần thứ mười ba: Khai thác 01 cây gỗ Giỏi tại khu vực rừng thuộc Công ty TNHH Lâm nghiệp L1 (khai thác cây gỗ mà LQ1 và Đen đã cưa hạ đổ trước đó). Khi tham gia có K, LQ3, LQ2, LQ6 được 02 hộp mỗi hộp kích thước khoảng 30cm x 30 cm x 2m. Sau đó LQ6, K dùng 02 xe máy chở đi. Khi đang chở ra thì phát hiện có cán bộ bảo vệ rừng nên LQ6, K đã bỏ 02 hộp gỗ trong vườn cà phê và bỏ chạy. Lần sau LQ3 rủ LQ6 đi bằng xe máy của LQ3, mang theo 01 cưa máy của LQ3, vào vị trí cây gỗ Giỏi này khai thác tiếp được 05 hộp mỗi hộp kích thước khoảng 40cm x 40cm x 01m. LQ3 và LQ6 chở đi giấu trong vườn cà phê của người dân và bị lâm trường phát hiện.

Ngoài ra vào ngày 20/09/2016, LQ3 sử dụng xe máy của LQ3 vận chuyển 02 hộp gỗ Giỏi có khối lượng $0,274\text{m}^3$ và LQ6 sử dụng xe máy của LQ4 vận chuyển 02 hộp gỗ Giỏi có khối lượng $0,242\text{m}^3$. Khi LQ3 và LQ6 đang vận chuyển thì bị Cán bộ bảo vệ rừng của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp L1 phối hợp với Hạt kiểm lâm B bắt giữ. Về số gỗ trên LQ3 và LQ6 lấy tại gần nhà Nguyễn Công LQ4 để vận chuyển đến nhà bà Trịnh Thị LQ9, SN:1987 (HKTT: Thôn 3, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng) cho LQ9 chuẩn bị làm nhà. LQ3 và LQ6 không biết rõ nguồn gốc của số gỗ trên. Nhưng LQ4 không thừa nhận số gỗ này của LQ4. Đồng thời Trịnh Thị LQ9 không thừa nhận đặt mua gỗ của LQ3 và LQ6, bà LQ9 không biết LQ3, LQ6 vận chuyển gỗ cho ai và nguồn gốc số gỗ trên.

- Theo biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 22/9/2016 xác định: Hiện trường do các đối tượng Trần Văn LQ3, Phạm LQ2, Nguyễn Công LQ4, Nguyễn Công LQ5, Nguyễn Văn K, LQ7, N2, H4, N1 khai thác gỗ trái phép thuộc các tiểu khu 388A, 388B; 389A, 394, 390A thôn 3, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng; Lâm phần do Công ty TNHH MTV lâm nghiệp L1, Công ty TNHH LQ22, Công ty TNHH LQ21 và rừng giao cho các hộ dân PRA quản lý, bảo vệ. Loại rừng bị khai thác là rừng sản xuất; Lâm sản bị thiệt hại 19 cây gỗ, có tổng khối lượng lâm sản thiệt hại là $46,356\text{m}^3$, gồm 17 cây do nhóm LQ3 cắt hạ có khối lượng $38,737\text{m}^3$ và 2 cây gỗ do nhóm Trịnh Văn LQ1 cắt hạ, có khối lượng $7,619\text{m}^3$ nhưng nhóm LQ3 xẻ lấy gỗ; còn lại hiện trường $22,2\text{m}^3$, đã bị lấy đi khỏi hiện trường $24,156\text{m}^3$. Trong đó:

+ Trần Văn LQ3 xác định tham gia khai thác 19 cây gỗ có khối lượng lâm sản thiệt hại là $46,356\text{m}^3$;

+ Phạm LQ2 xác định tham gia khai thác cùng với LQ3 là 15 cây gỗ (gồm các cây số 1;3;4;6;9;10;11;12;13;14;15;16;17 và 2 cây ở hiện trường Trịnh Văn LQ1- Cây số 2;5) có khối lượng $40,108\text{m}^3$;

+ Nguyễn Công LQ4 xác định tham gia khai thác 12 cây gỗ có khối lượng lâm sản thiệt hại là: $33,137\text{m}^3$ (gồm các cây số 3;4;9;10;11;12;13;14;15;16;17 và 01 cây ở hiện trường Trịnh Văn LQ1- cây số 5);

+ Nguyễn Công LQ5 xác định tham gia khai thác 14 cây gỗ có khối lượng lâm sản thiệt hại là: $39,887\text{m}^3$ (gồm Cây số 1;3;4; 9;10;11;12;13;14;15;16;17 và 2 cây ở hiện trường Trịnh Văn LQ1- Cây số 2;5);

+ Nguyễn Thanh LQ6 xác định tham gia khai thác 06 cây gỗ có khối lượng lâm sản thiệt hại $12,802\text{m}^3$ (gồm các cây số 1;6;7;8;12 và 01 cây ở hiện trường Trịnh Văn LQ1- cây số 2);

+ LQ7 tham gia khai thác 1 cây gỗ giỏi có khối lượng lâm sản còn tại hiện trường là $0,221\text{m}^3$ (cây số 6).

+ Nguyễn Văn K tham gia khai thác 12 cây gỗ có khối lượng lâm sản thiệt hại là $29,635\text{m}^3$ (gồm các cây số 1; 2; 5; 9; 12; 13; 14; 15; 16; 17 và 02 cây ở hiện trường Trịnh Văn LQ1- cây số 2; 5);

+ N1 tham gia khai thác 01 cây gỗ giỏi có khối lượng $1,026\text{m}^3$ (cây số 2), N2 tham gia khai thác 1 cây gỗ giỏi có khối lượng còn tại hiện trường $0,221\text{m}^3$ (cây số 6).

Tại Kết luận định giá tài sản số 141/CV-KLĐG ngày 26/12/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B xác định:

- 18 cây gỗ do Trịnh Văn LQ1 cắt hạ có khối lượng còn tại hiện trường 97,260m³, có giá trị lâm sản là 849.359.740đ, giá trị thiệt hại về môi trường rừng là 2.548.079.220đ. Còn lại 7,083m³ gỗ bị lấy đi khỏi hiện trường không có cơ sở định giá.

- 17 cây gỗ do nhóm Trần Văn LQ3 cắt hạ có khối lượng 38,737m³ có giá trị thành tiền là 269.856.847đ, giá trị thiệt hại về môi trường rừng là 809.570.540đ.

- Giá trị lâm sản của 2,805m³ thu giữ tại nhà Trịnh Văn LQ1 có giá trị thành tiền là 15.368.660đ; Không xác định được thiệt hại về môi trường rừng.

- Giá trị lâm sản của 1,725m³ thu giữ tại nhà Nguyễn Công LQ4 có giá trị thành tiền là 15.146.575đ. Không xác định được thiệt hại về môi trường rừng.

- 02 hộp gỗ Giỏi có khối lượng 0,242m³ do Nguyễn Thanh LQ6 vận chuyển, có giá trị thành tiền là 1.904.379đ. Không xác định được thiệt hại về môi trường rừng.

- 02 hộp gỗ Giỏi có khối lượng 0,274m³ do Trần Văn LQ3 vận chuyển, có giá trị thành tiền là 2.156.197đ. Không xác định được thiệt hại về môi trường rừng.

Trong quá trình điều tra truy tố, xét xử Nguyễn Văn K bỏ trốn nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy nã đến ngày 01/02/2018 mới bắt được K tại xã R, huyện M, tỉnh Lâm Đồng.

Tại bản Cáo trạng số 24/CT- VKS ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo Nguyễn Văn K về tội “*Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa:

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng; Đề nghị tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn K phạm tội “*Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng*”, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 1999 và điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K từ 18 tháng đến 24 tháng tù. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về trách nhiệm dân sự, án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bị cáo Nguyễn Văn K khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

+ Bị cáo nói lời sau cùng: Nhận thức được hành vi phạm tội là sai. Bị cáo trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình....do đó bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo Nguyễn Văn K thể hiện:

Vì mục đích vụ lợi, Nguyễn Văn K cùng Trịnh Văn LQ1, Phạm LQ2, Trần Văn LQ3, Nguyễn Công LQ4, Nguyễn Công LQ5 và đồng bọn đã khai thác gỗ trái phép tại các tiểu khu 388A, 388B; 389A, 394, 390A; Loại rừng bị khai thác trái phép là rừng sản xuất, thuộc Lâm phần do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp L1, Công ty TNHH LQ22, Công ty TNHH LQ21 và rừng giao cho các hộ dân PRA quản lý, bảo vệ thuộc xã L, huyện B Trong đó: Nguyễn Văn K tham gia khai thác 12 cây gỗ có khối lượng lâm sản thiệt hại là 29,635m³(gồm các cây số 1; 2; 5; 9; 12; 13; 14; 15; 16; 17 và 02 cây ở hiện trường Trịnh Văn LQ1- cây số 2; 5) có giá trị thành tiền là 162.858.911đ.

Do đó, hành vi của bị cáo Nguyễn Văn K đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 1999. Vì vậy, Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố đối với bị cáo là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự coi thường pháp luật, bị cáo nhận thức được rằng Rừng là tài nguyên quốc gia, Nhà nước nghiêm cấm mọi hành vi khai thác lâm sản trái phép, nhưng vì mục đích vụ lợi cá nhân, bất chấp các quy định của Nhà nước về quản lý và bảo vệ rừng, bị cáo đã ngang nhiên cưa hạ cây rừng trái phép. Bị cáo biết được hành vi khai thác lâm sản trái phép là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vẫn cố ý phạm tội. Vì vậy, cần thiết phải áp dụng cho bị cáo một mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, đủ để răn đe, cải tạo, giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

Tại bản án số 14/2017/HSST ngày 12/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện B đã tuyên phạt đối với: Trịnh Văn LQ1, Phạm LQ2 (Đen), Trần Văn LQ3, Nguyễn Công LQ4, Nguyễn Công LQ5.

Trong vụ án này còn có một số đối tượng liên quan:

- Đối với Nguyễn Thanh LQ6 và LQ7: Cơ quan điều tra đã chuyển hồ sơ đến Hạt kiểm lâm huyện B đề nghị xử lý theo thẩm quyền.

- Đối với Lê Thanh H4: Hành vi tham gia cùng đồng bọn khai thác gỗ trái phép của Lê Thanh H4 không đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Quá trình điều tra đã bỏ trốn, đến nay chưa làm việc được. Nên cơ quan CSĐT Công an huyện B tách ra và tiếp tục điều tra xử lý sau.

- Đối với các đối tượng LQ1 (người mua gỗ), LQ17, LQ23, N2 và N1 không xác định được nhân thân lai lịch, nên không đủ tài liệu, chứng cứ để xử lý.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn K có nhân thân tốt thể hiện việc bị cáo không có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, do đó được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn K phải bồi thường số tiền thiệt hại là 162.858.911đ để sung vào công quỹ Nhà nước.

[6] Về xử lý vật chứng: Tại bản án số 14/2017/HSST ngày 12/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện B đã xét xử và đã xử lý đối với tang vật của vụ án nên trong vụ án này Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Về án phí: Căn cứ vào Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về “*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*” buộc bị cáo pH1 chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn K phạm tội “*Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng*”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết 41/QH14; Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn K 18** (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/02/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Văn K phải bồi thường số tiền thiệt hại là 162.858.911đ (*Một trăm sáu mươi hai triệu tám trăm năm mươi tám ngàn chín trăm mười một đồng*) để sung vào công quỹ Nhà nước

3. Về xử lý vật chứng: Tại bản án số 14/2017/HSST ngày 12/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện B đã xét xử và đã xử lý đối với tang vật của vụ án nên trong vụ án này Hội đồng xét xử không đề cập đến.

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn K phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 8.142.900đ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay (27/7/2018); đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhân:

- TAND, VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND, CA huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Bị cáo, những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Đức Trường